

Số: 87/QĐ-TrMN

Mỹ Lộc, ngày 28 tháng 06 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai quyết toán thu – chi các khoản thu của học sinh  
năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Mỹ Thuận**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON MỸ THUẬN**

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy chế việc dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Thực hiện Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 bãi bỏ một số điều của quy định dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy chế việc dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về công khai trong hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 13/03/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định thu học phí đối với các cơ sở giáo dục Mầm non, Phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên do tỉnh Nam Định quản lý.

Căn cứ hướng dẫn số 1617/HD-SGDĐT ngày 30/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu chi học phí đối với cơ sở giáo dục do Tỉnh Nam Định quản lý năm học 2024-2025;

Căn cứ hướng dẫn số: 1628/HD-SGDĐT ngày 05/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu chi các khoản dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do Tỉnh Nam Định quản lý năm học 2024-2025.

*Xét đề nghị của bộ phận phụ trách kế toán nhà trường.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố công khai Quyết toán thu – chi các khoản thu của học sinh năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non Mỹ Thuận (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận phụ trách kế toán, văn phòng, các bộ phận có liên quan của Trường Mầm non Mỹ Thuận chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Công thông tin điện tử nhà trường;
- Như điều 3;
- Lưu VP.



Đơn vị: Trường Mầm non Mỹ Thuận

Chương: 622

**QUYẾT TOÁN THU - CHI HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THỎA THUẬN  
NGOÀI HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024 - 2025**

DVT: Đồng

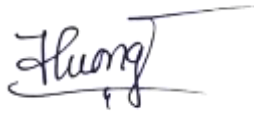
| STT       | Nội dung   | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|-----------|--|---------------------------------|------------------------------------|------------|---|
| 1         | 2  | 3                               | 4                                  | 5=4-3      | 6   |
| <b>A</b>  | <b>Học phí</b>                                     |                                 |                                    |            |   |
| <i>I</i>  | <i>Quyết toán thu (học phí)</i>                    | <b>188.910.000</b>              | <b>188.910.000</b>                 | <b>0</b>   |   |
| <i>II</i> | <i>Quyết toán chi (học phí)</i>                    | <b>188.910.000</b>              | <b>188.910.000</b>                 | <b>0</b>   |   |
| 1         | Trích 40% nộp NSNN                                 | 75.528.000                      | 75.528.000                         | 0          |   |
| 2         | 60% để lại   | 113.292.000                     | 113.292.000                        | 0          |   |
|           | - Chi tiền điện                                    | 37.187.481                      | 37.187.481                         | 0          |   |
|           | - Chi tiền CSVC                                    | 20.407.492                      | 20.407.492                         |            |   |
|           | - Chi chuyên môn                                   | 55.697.027                      | 55.697.027                         | 0          |   |
| 3         | Trả lại tiền thừa cho phụ huynh học sinh           | 90.000                          | 90.000                             |            |   |
| <b>B</b>  | <b>Tiền nước uống</b>                              |                                 |                                    |            |   |
| <i>I</i>  | <i>Quyết toán thu (Nước uống)</i>                  | <b>30.100.000</b>               | <b>30.100.000</b>                  | <b>0</b>   |   |
| <i>II</i> | <i>Quyết toán chi (Nước uống)</i>                  | <b>30.100.000</b>               | <b>30.100.000</b>                  | <b>0</b>   |   |
| 1         | Chi tiền công đun nước uống                        | 21.070.000                      | 21.070.000                         | 0          |   |
| 2         | Chi sửa chữa, bảo dưỡng máy lọc nước               | 5.437.000                       | 5.437.000                          | 0          |   |
| 3         | Mua cốc uống nước                                  | 2.445.000                       | 2.445.000                          |            |   |
| 4         | Chi kiểm định nước                                 | 1.148.000                       | 1.148.000                          |            |   |
| <b>C</b>  | <b>Tiền ăn bán trú</b>                             |                                 |                                    |            |   |
|           |  | -                               | -                                  |            |   |
| <i>I</i>  | <i>Quyết toán thu (Tiền ăn, chất đốt, phụ phí)</i> | <b>1.249.252.000</b>            | <b>1.249.252.000</b>               | <b>0</b>   |   |
| <i>II</i> | <i>Quyết toán chi (Tiền ăn, chất đốt, phụ phí)</i> | <b>1.249.252.000</b>            | <b>1.249.252.000</b>               | <b>0</b>   |   |

|           |  |                    |                    |          |  |
|-----------|--|--------------------|--------------------|----------|--|
| 1         | Chi tiền ăn  | 1.088.475.000      | 1.088.475.000      | 0        |  |
| 2         | Chi tiền chất đốt  | 54.531.000         | 54.531.000         |          |  |
| 3         | Chi mua phụ phí phục vụ nuôi ăn bán trú                              | 25.597.500         | 25.597.500         |          |  |
| 4         | Trả lại tiền thừa cho phụ huynh học sinh                             | 80.648.500         | 80.648.500         |          |  |
| <b>D</b>  | <b>Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa</b>                          | -                  | -                  |          |  |
| <b>I</b>  | <b><i>Quyết toán thu (Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa)</i></b>  | <b>338.555.000</b> | <b>338.555.000</b> | <b>0</b> |  |
| <b>II</b> | <b><i>Quyết toán chi (Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa)</i></b>  | <b>338.555.000</b> | <b>338.555.000</b> | <b>0</b> |  |
| 1         | Chi cho CBQL, giáo viên trực tiếp coi trẻ buổi trưa                  | 318.353.000        | 318.353.000        | 0        |  |
| 2         | Trả lại tiền thừa cho phụ huynh học sinh                             | 20.202.000         | 20.202.000         | 0        |  |
| <b>E</b>  | <b>Tiền công cô nấu</b>  | -                  | -                  |          |  |
| <b>I</b>  | <b><i>Quyết toán thu (Tiền công cô nấu)</i></b>                      | <b>270.900.000</b> | <b>270.900.000</b> | <b>0</b> |  |
| <b>II</b> | <b><i>Quyết toán chi (Tiền công cô nấu)</i></b>                      | <b>270.900.000</b> | <b>270.900.000</b> | <b>0</b> |  |
| 1         | Chi thuê người nấu ăn  | 270.810.000        | 270.810.000        | 0        |  |
| 2         | Trả lại tiền thừa cho phụ huynh học sinh                             | 90.000             | 90.000             | 0        |  |
| <b>F</b>  | <b>Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7</b>                         | -                  | -                  |          |  |
| <b>I</b>  | <b><i>Quyết toán thu (Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7)</i></b> | <b>108.210.000</b> | <b>108.210.000</b> | <b>0</b> |  |
| <b>II</b> | <b><i>Quyết toán chi (Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7)</i></b> | <b>108.210.000</b> | <b>108.210.000</b> | <b>0</b> |  |
| 1         | Chi nộp thuế TNDN 2%   | 5.679.680          | 5.679.680          |          |  |
| 2         | Chi thù lao cho giáo viên trực tiếp + Chi công tác quản lý           | 81.319.833         | 81.319.833         | 0        |  |
| 3         | Chi điện nước, sửa chữa CSVC   | 10.187.487         | 10.187.487         | 0        |  |
| 4         | Trả lại tiền thừa cho phụ huynh học sinh                             | 11.023.000         | 11.023.000         | 0        |  |
| <b>G</b>  | <b>Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh</b>                             | -                  | -                  |          |  |
| <b>I</b>  | <b><i>Quyết toán thu (Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh)</i></b>     | <b>54.180.000</b>  | <b>54.180.000</b>  | <b>0</b> |  |
| <b>II</b> | <b><i>Quyết toán chi (Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh)</i></b>     | <b>54.180.000</b>  | <b>54.180.000</b>  | <b>0</b> |  |

|           |   |                   |                   |          |  |
|-----------|---|-------------------|-------------------|----------|--|
| 1         | Chi tiền công vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh                            | 30.100.000        | 30.100.000        | 0        |  |
| 2         | Chi đồ dùng, dụng cụ vệ sinh  | 24.080.000        | 24.080.000        | 0        |  |
| <b>H</b>  | <b>Tiền đóng góp lần đầu phục vụ nuôi ăn bán trú</b>                  | -                 | -                 |          |  |
| <i>I</i>  | <i>Quyết toán thu (Tiền đóng góp lần đầu phục vụ nuôi ăn bán trú)</i> | <i>21.200.000</i> | <i>21.200.000</i> | <i>0</i> |  |
| <i>II</i> | <i>Quyết toán chi (Tiền đóng góp lần đầu phục vụ nuôi ăn bán trú)</i> | <i>21.200.000</i> | <i>21.200.000</i> | <i>0</i> |  |
| 1         | Chi đồ dùng phục vụ nuôi ăn bán trú                                   | 21.200.000        | 21.200.000        | 0        |  |
| <b>K</b>  | <b>Tiền app vnedu</b>   | -                 | -                 |          |  |
| <i>I</i>  | <i>Quyết toán thu (Tiền app vnedu)</i>                                | <i>16.400.000</i> | <i>16.400.000</i> | <i>0</i> |  |
| <i>II</i> | <i>Quyết toán chi (Tiền app vnedu)</i>                                | <i>16.400.000</i> | <i>16.400.000</i> | <i>0</i> |  |
| 1         | Chi tiền app vnedu  | 16.350.000        | 16.350.000        |          |  |
| 2         | Trả lại tiền thừa cho phụ huynh học sinh                              | 50.000            | 50.000            |          |  |

Ngày 28 tháng 06 năm 2025

**KẾ TOÁN**



**Hoàng Thị Lan Hương**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Dự**